TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày: 17-01-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2018/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên có địa chỉ trụ sở chính tại 159 đường K, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 16/L-UQ ngày 26 tháng 02 năm 2018). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH I có địa chỉ trụ sở chính tại 66/19/8/36 đường Q, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị H - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên do bà Trần Thị Thanh Vân là người đại diện hợp pháp trình bày: Bắt đầu từ ngày 30/5/2016, Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên - Trung tâm Kinh doanh An Thịnh L trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là Công ty L) và Công ty TNHH I (sau đây viết tắt là Công ty I) có giao dịch mua bán với nhau các mặt hàng giấy nhiệt, giấy in hóa đơn; Việc mua bán không ký hợp đồng mà chỉ thông qua các hóa đơn bán hàng; Phương thức thanh toán là trả tiền mặt khi nhận hàng trong thời gian đầu, thanh toán trả chậm 24 ngày cho các đơn hàng về sau. Trong quá trình mua bán, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kết thúc năm 2017, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 67.377.368 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2018, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 67.377.368 đồng và tiền lãi quá hạn do chậm trả theo mức 9% x 150%, cụ thể như sau: Hóa đơn 0006236 ngày 18/8/2017 số tiền 9.784.368 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 12/9/2017 đến ngày 31/12/2017 là 397.129 đồng; Hóa đơn 0006763 ngày 28/8/2017 số tiền 57.750.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 22/9/2017 đến ngày 31/12/2017 là 2.165.625 đồng, lãi tiếp tục tính đến ngày Tòa xử sơ thẩm, tổng cộng gốc và lãi là 69.940.122 đồng. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn vẫn tiếp tục duy trì việc bán hàng để tạo điều kiện cho bị đơn trả góp dần khoản nợ cũ mỗi khi mua đơn hàng mới, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền tổng cộng là 32.710.000 đồng, còn thiếu là 34.667.368 đồng. Từ ngày 21/8/2018 đến nay, bị đơn đã ngưng mua hàng đồng thời ngưng thanh toán khoản nợ cũ cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 34.667.368 đồng nợ gốc và tiền lãi của số tiền nợ gốc theo đơn khởi kiện là 67.377.368 đồng theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm, thời điểm tính lãi như trên đơn khởi kiện, không yêu cầu tính đến ngày Tòa xử, đề nghị bị đơn trả một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bà Hoàng Thị H - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH I vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- *Về tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- *Về nội dung:* Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc và tiền lãi còn thiếu theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là Công ty L) có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH I (sau đây viết tắt là Công ty I) tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc tham gia phiên Tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hoạt động của Công ty I nên Viện Kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên Tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Ngày 26/02/2018, nguyên đơn ủy quyền cho bà Trần Thị Thanh V đại diện tham gia tố tụng. Xét việc ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tống đạt: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự trình bày lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Công ty I số 66/19/8/36 đường Q, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[Xét yêu cầu bị đơn thanh toán 34.667.368 đồng phát sinh trong quá trình mua bán của nguyên đơn, thấy: Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0006236 ngày 18/8/2017 với số tiền 9.784.368 đồng, 0006763 ngày 28/8/2017 với số tiền 57.750.000 đồng thì tổng giá trị hàng hóa nguyên đơn đã bán và xuất hóa đơn cho bị đơn là 67.534.368 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/10/2017, hai bên thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 69.377.368 đồng. Tại Sổ chi tiết công nợ từ ngày 01/01/18 đến ngày 03/12/18 của nguyên đơn, thể hiện bị đơn đã nhiều lần thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ cũ cộng chung vào số tiền hàng

mua mới vào các ngày 29/3/18, 28/5/18, 29/6/18, 09/8/18 và 21/8/18. Tính đến ngày 21/8/2018 bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 32.710.000 đồng. Từ sau ngày 21/8/18 đến nay, bị đơn ngừng mua hàng và không thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 34.667.368 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi 9% do bị đơn chậm thanh toán trên số tiền 67.377.368 đồng tính từ ngày 12/9/2017 và 22/9/2017 đến ngày 31/12/2017 của nguyên đơn, thấy:

+ *Về số tiền tính lãi:* Tính đến ngày 17/01/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 34.667.368 đồng, tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền 67.377.368 đồng như đơn khởi kiện ngày 12/02/2018. Tòa án nhận thấy: Theo hóa đơn số 0006236 ngày 18/8/2017, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 9.784.368 đồng trước ngày 12/9/2017 và số tiền 57.750.000 đồng trước ngày 22/9/2017 theo hóa đơn số 0006763 ngày 28/8/2017; Thực tế, đến các ngày 29/3/18, 28/5/18, 29/6/18, 09/8/18 và 21/8/18, bị đơn mới trả dần một phần số tiền nợ gốc vào các lần mua hàng mới. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại: "Bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả". Như vậy có cơ sở để xác định yêu cầu tính lãi trên số tiền 67.377.368 đồng tại thời điểm khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

+ *Về thời hạn thanh toán:* Theo Biên bản lịch trả nợ số 0001/ITC-ANT ngày 19/10/2017 thể hiện: Ngày 25 tháng 10 I chuyển trả số tiền 10 triệu đồng, Ngày 25 tháng 11 I chuyển trả số tiền 10 triệu đồng, Ngày 25 tháng 12 I chuyển trả số tiền 39.377.368 đồng. Do thỏa thuận giữa hai bên chỉ có ngày, tháng, không ghi năm cụ thể nên Tòa án chưa đủ cơ sở để xem xét Biên bản lịch trả nợ ngày 19/10/2017.

Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng số: 0006236 ngày 18/8/2017, số tiền 9.784.368 đồng, quy định chuyển khoản trước ngày 12/9/2017 và hóa đơn số 0006763 ngày 28/8/2017, số tiền 57.750.000 đồng, quy định chuyển khoản trước ngày 22/9/2017 đã có đủ cơ sở để xác định thời gian bị đơn phải trả số tiền hàng còn thiếu cho nguyên đơn như trên.

Như vậy, thời hạn thanh toán đã được hai bên thỏa thuận cụ thể, nhưng bị đơn không thực hiện làm thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn, nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 306 Luật Thương mại. Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 12/9/2017 đến ngày 31/12/2017 đối với số tiền 9.784.368 theo Hóa đơn 0006236 ngày 18/8/2017 đồng và từ ngày 22/9/2017 đến ngày 31/12/2017 đối với số tiền 57.750.000 đồng theo Hóa đơn 0006763 ngày 28/8/2017, không yêu cầu tính đến ngày Tòa xử là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Tiền lãi do chậm thanh toán được tính cụ thể như sau:

- Hóa đơn 0006236 ngày 18/8/2017, thời gian tính lãi từ ngày 12/9/2017 đến ngày 31/12/2017 là: 9.784.368 đồng x 9%/năm x 110 ngày = 265.384 đồng.

- Hóa đơn 0006763 ngày 28/8/2017, thời gian tính lãi từ ngày 22/9/2017 đến ngày 31/12/2017 là: 57.750.000 đồng x 9%/năm x 100 ngày = 1.423.972 đồng

Tổng cộng tiền lãi là 1.689.356 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực.

[2.2] Xét ý kiến bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 34.667.368 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 1.689.356 đồng, tổng cộng 36.356.724 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 36.356.724 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại với mức thu là 3.000.000 đồng. Hoàn 1.748.503 đồng tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH I có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên số tiền 36.356.724 (ba mươi sáu triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi bốn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH I phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì L - TNHH Một thành viên số tiền 1.748.503 (một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm lẻ ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007874 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hoàng Mai